Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO, UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	**Lĩnh vực Di sản Văn hóa**									
1	Thủ tục Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia - Mã TT: 2.001631.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thủ tục đăng ký	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT của Bộ VHTT ngày 19/2/2004; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 Bộ VHTTDL.	X		
2	Thủ tục Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập - Mã TT: 2001613.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
3	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động Bảo tàng ngoài công lập - Mã TT: 1.003793.H42	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2012.	X		
4	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích - Mã TT: 1.003901.H42	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.	X		
5	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích - Mã TT: 1001822.H42	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	X		
6	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích - Mã TT: 1.002003.H42	5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao		X		
7	Cấp Giấy phép khai quật khẩn cấp - Mã TT: 2.001591.H42	03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
							điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ; - Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ VHTTDL.			
8	Thủ tục Công nhận Bảo vật quốc gia đối với Bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật. - Mã TT: 1.003835.H42	- Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở VHTT có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Sở VHTT quyết	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ VHTTDL.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ VHTTDL. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị,								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ VHTTDL giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản VH báo cáo Bộ trưởng Bộ VHTTDL xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản VH quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ VHTTDL trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.								
9	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật - Mã TT: 1.001123.H42	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	X		
10	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	phương - Mã TT: 1.003838.H42						- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2012.			
11	Thủ tục Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích - Mã TT: 1.003646.H42	- Thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở VHTT có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch UBND tỉnh; - Trong thời hạn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Chính phủ	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ VHTTDL. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ VHTTDL giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ VHTTDL xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và Hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		gia, Bộ trưởng Bộ VHTTDL trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.								
12	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích - Mã TT: 2.001641.H42	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.	X		
13	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật - Mã TT: 1.001106.H42	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		định					điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.			
14	Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia - Mã TT: 1.003738.H42	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ VHTTDL. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.	X		
15	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh - Mã TT: 1.013456.H42	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xin ý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ. - Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24/02/2025 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		kiến của cơ quan có liên quan, thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày								
16	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương) - Mã TT: 1.013801.H42	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009. - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/9/2010. - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2012.	X		
II	**Lĩnh vực Văn hóa cơ sở**									
1	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn - Mã TT: 1.004650.H42	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
2	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke - Mã TT: 1.001029.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Thông tư số 01/2021 /TT-BTC ngày 07/01/2021	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		X	
3	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường - Mã TT: 1.001008.H42	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Thông tư số 01/2021 /TT-BTC ngày 07/01/2021	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		X	
4	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke - Mã TT: 1.000963.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Thông tư số 01/2021 /TT-BTC ngày 07/01/2021	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		X	
5	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ		Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	- Mã TT: 1.000922.H42			điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.			- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
6	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo - Mã TT: 1.004645. H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012.	X		
7	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.004639.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/Giấy phép.	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
8	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.004666.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10 /2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ VHTTDL.	X		
9	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.004662.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/Giấy phép	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội - Mã TT: 1.003676.H42	Tối đa 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội - Mã TT: 1.003654.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
III	**Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn**									
1	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	***Phí thẩm định:** Số TT Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn) - Đến 50 phút	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	- Mã TT: 1.009397.H42			1.500.000 - Từ 51 đến 100 phút 2.000.000 - Từ 101 đến 150 phút 3.000.000 - Từ 151 đến 200 phút 3.500.000 - Từ 201 phút trở lên 5.000.000 *** Trường hợp miễn phí** - Miễn phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn đối với chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia. - Chương						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại cấp quốc gia theo quy định tại Thông tư số 288/2016/TT-BTC bao gồm: các hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước, kỷ niệm ngày quốc khánh các nước tại Việt Nam; tổ chức nhân chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao các nước đến						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				Việt Nam; kỷ niệm ngày sinh nhật của một số lãnh tụ các nước tại Việt Nam hoặc nhân kỷ niệm sự kiện đặc biệt của nước ngoài được tổ chức tại Việt Nam.						
2	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) - Mã TT: 1.009398.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	X		
3	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu - Mã TT: 1.009399.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ	Không	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		hồ sơ hợp lệ.	hành chính công tỉnh							
4	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu - Mã TT: 1.009403.H42	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	X		
IV	**Lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa (03 TTHC)**									
1	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh - Mã TT: 1003784.H42	- Cấp ngay Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ. - Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy biên nhận, Sở VHTT gửi cho cơ quan Hải quan và cá	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ. - Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24/02/2025 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		nhân, tổ chức Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm.								
2	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh - Mã TT: 1.003743.H42	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ. - Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24/02/2025 của Chính phủ.		X	
3	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu. - Mã TT: 1.003560.H42	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 10 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 200.000	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời kết quả chấp thuận hoặc từ chối đề nghị nhập khẩu của Thương nhân và nêu rõ lý do.		đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 150.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). - Đối với bản ghi hình: 300.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 200.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút). b) Chương trình ghi trên						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: - Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.000.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				7.000.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 2.500.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 75.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 9.000.000						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				đồng/chương trình. 2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.						
V	**Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (13 TTHC)**									
1	Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam - Mã TT: 1.001704.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Uỷ ban nhân dân tỉnh	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
2	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật - Mã TT: 1.001833.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X		
3	Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật - Mã TT: 1.001809.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.	X		
4	Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ - Mã TT: 1.001778.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ.	X		
5	Cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng - Mã TT: 1.001755.H42	- Thời hạn cấp giấy phép không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Đối với các công trình tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		hóa, thể thao và Du lịch, thời hạn cấp giấy phép không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.								
6	Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc - Mã TT: 1.001738.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ.	X		
7	Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm - Mã TT: 1.001671.H42	07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	X		
8	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại - Mã TT: 1.001229.H42	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		hóa và Thể thao có văn bản trả lời.								
9	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại - Mã TT: 1.001211.H42	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.								
10	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại - Mã TT: 1.001191.H42	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		nội dung triển lãm. Tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		triển lãm, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		có văn bản trả lời.								
11	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại - Mã TT: 1.001182.H42	- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc cần điều chỉnh nội dung triển lãm, Sở Văn hóa và Thể thao gửi văn bản yêu cầu cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm. Cá nhân nước ngoài bổ sung hồ sơ hoặc điều chỉnh nội dung triển lãm không quá 05 ngày làm việc. Sở Văn hóa và Thể thao trả lời lần 2 không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		được hồ sơ bổ sung hoặc văn bản xác nhận đồng ý điều chỉnh nội dung triển lãm; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép triển lãm, trường hợp không cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao có văn bản trả lời.								
12	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại - Mã TT: 1.001147.H42	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu Sở Văn hóa và Thể thao không có văn bản trả lời thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội dung đã thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		báo; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo, Sở Văn hóa và Thể thao không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì tổ chức được tổ chức triển lãm theo các nội								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		dung đã thông báo;								
13	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh. - Mã TT: 2.001496.H42	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1. Đối với tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tranh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ VHTTDL. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ VHTTDL.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		khẩu. Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.		thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng 2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: - Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định; - Từ tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm thứ 49: 90.000 đồng/ tác phẩm/ lần thẩm định. - Từ tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
VI	**Lĩnh vực Điện ảnh**									
1	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim - Mã TT: 1.011454.H42	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Điện ảnh ngày 15/6/2022. - Thông tư số 17/2022/TT-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X		
VII	**Lĩnh vực hợp tác Quốc tế**									
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.006412.H42	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ.	X		
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.001082.H42	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ.	X		
3	Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam - Mã TT: 1.001091.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
VIII	**Lĩnh vực Gia đình**									
1	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Mã TT: 1.012080.H42	10 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ.		X	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Mã TT: 1.012081.H42	3 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ.		X	
3	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình - Mã TT: 1.012082.H42	10 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ.		X	
IX	**Lĩnh vực Thi đua khen thưởng**									
1	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" - Mã TT: 1.001376.H42	03 năm một lần, vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Chủ tịch nước	- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022; - Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ;	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		tháng 9.					- Nghị định số 93/2023/NĐCP ngày 25/12/2023 của Chính phủ.			
2	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" - Mã TT: 1.001108.H42	03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2/9	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Chủ tịch nước	- Luật Thi đua Khen thưởng ngày 15/06/2022; - Nghị định 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ.	X		
3	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể - Mã TT: 1.001032. H42	Theo Kế hoạch tổ chức hoạt động xét tặng của các cấp Hội đồng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Thủ tướng chính phủ, Chủ tịch nước	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/06/2009; - Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/06/2022; - Nghị định số 93/2023/NĐCP ngày 25/12/2023 của Chính phủ.	X		
4	Xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật - Mã TT: 1.000871.H42	305 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Chủ tịch nước	- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/06/2022.	X		
5	Xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật - Mã TT: 1.000564.H42	305 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Chủ tịch nước	Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/06/2022.	X		
6	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa	Theo Kế hoạch tổ chức hoạt động xét tặng	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	X	Thủ tướng chính	- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	phi vật thể - Mã TT: 1.000971.H41	của các cấp Hội đồng	công tỉnh			phủ, Chủ tịch nước	- Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/6/2022; - Nghị định số 93/2023/NĐCP ngày 25/12/2023 của Chính phủ.			
X	**Thể dục Thể thao**									
1	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức - Mã TT: 1.002013.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	X		
2	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Mã TT: 1.001782.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ VHTTDL.	X		
3	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức - Mã TT: 1.002022.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp - Mã TT: 1.002445.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ.		X	
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao - Mã TT: 1.002396.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ.		X	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận - Mã TT: 1.003441. H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
							ngày 29/4/2019 của Chính phủ;- Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ.			
7	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng - Mã TT: 1.000983. H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hóa và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ.		X	
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga - Mã TT: 1.000953.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf - Mã TT: 1.000936.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ VHTTDL.		X	
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông - Mã TT: 1.000920.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo - Mã TT: 1.001195. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ VHTTDL.		X	
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate - Mã TT: 1.000904. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn - Mã TT: 1.000883. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker - Mã TT: 1.000863. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
15	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn - Mã TT: 1.000847. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay - Mã TT: 1.000830. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
17	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao - Mã TT: 1.000814. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		X	
18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ - Mã TT: 1.000644. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
19	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo - Mã TT: 1.000842. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
20	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness -Mã TT: 1.005163. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
21	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng - Mã TT: 2.002188. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
22	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí - Mã TT: 1.000594. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
23	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh - Mã TT: 1.000560. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
24	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam - Mã TT: 1.000544. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
25	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển - Mã TT: 1.001213. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá - Mã TT: 1.000518. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018. - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ VHTTDL.		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
27	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt - Mã TT: 1.000501. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
28	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin - Mã TT: 1.000485. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
29	Cấp giấy chứng nhận đủ	07 ngày làm	Trung tâm	Theo quy	X	Sở Văn	- Luật Thể dục, thể thao ngày		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí - Mã TT: 1.005357. H42	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh	định của Nghị quyết Hội dồng nhân dân tỉnh		hoá và Thể thao	29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ VHTTDL.			
30	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao - Mã TT: 1.001801. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội dồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
31	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ	Theo quy định của	X	Sở Văn hoá và	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném - Mã TT: 1.001500. H42	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hành chính công tỉnh	Nghị quyết Hội dồng nhân dân tỉnh		Thể thao	sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ VHTTDL.			
32	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu - Mã TT: 1.005162. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội dồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
33	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Theo quy định của Nghị quyết	X	Sở Văn hoá và Thể	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	với môn Leo núi thể thao - Mã TT: 1.001517. H42	hợp lệ	công tỉnh	Hội dồng nhân dân tỉnh		thao	dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ VHTTDL.			
34	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ - Mã TT: 1.001527. H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội dồng nhân dân tỉnh	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018; - Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ VHTTDL.		X	
35	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của Nghị quyết Hội dồng	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018;		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	thao - Mã TT: 1.001056. H42			nhân dân tỉnh			- Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ VHTTDL.			
XI	**Lĩnh vực Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử**									
1	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh - Mã TT: 2.001765.H42	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh - Mã TT: 1.003384.H42	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
3	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Mã TT: 2.001098.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
4	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Mã TT: 1.005452.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
5	Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Mã TT: 2.001091.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
6	Cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Mã TT: 2.001087.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 1.002001.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24/01/2025 của Chính phủ .	X		
8	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	- Mã TT: 1.001976.H42									
9	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 2.002738.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 1.001988.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
11	Cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 1.004508.H42	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Công văn số 48/CP-KGVX ngày 24/01/2025 của Chính phủ.	X		
12	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 2.002739.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
13	Cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng - Mã TT: 2.002740.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
14	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội - Mã TT: 2.002772.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
15	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội - Mã TT: 2.002773.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
16	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội - Mã TT: 2.002774.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ.	X		
XII	**Lĩnh vực Báo chí**									
1	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) - Mã TT: 1.009374.H42	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Báo chí ngày 05/4/2016; - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
2	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) - Mã TT: 1.009386.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Báo chí ngày 05/4/2016; - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
3	Cho phép họp báo (trong nước)	Không quy định.	Trung tâm Phục vụ	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Báo chí ngày 05/4/2016.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	- Mã TT: 2.001171.H42		hành chính công tỉnh							
4	Cho phép họp báo (nước ngoài) - Mã TT: 2.001173.H42	02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/12/2012 của Chính phủ.	X		
5	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.781.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
6	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.782.H42	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
7	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.783.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
8	Thủ tục chấp thuận thay	10 ngày làm	Trung tâm	Không	X	UBND	- Luật báo chí ngày 05/4/2016.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.784.H42	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh			tỉnh	- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
9	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.785.H42	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
10	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.786.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
11	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương - Mã TT: 1.013.787.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
12	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ	10 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm Phục vụ	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	quan, tổ chức ở địa phương - Mã TT: 1.013.788.H42	nhận được hồ sơ đầy đủ.	hành chính công tỉnh				ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
13	Chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương - Mã TT: 1.013.789.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
14	Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu - Mã TT: 1.013.790.H42	Không quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật báo chí ngày 05/4/2016. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
XIII	**Lĩnh vực In, Xuất bản và Phát hành**									
1	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh - Mã TT: 1.003868.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí, lệ phí: Phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép: + Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/ trang quy chuẩn;	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
				+ Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/ phút; + Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.			BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
2	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm - Mã TT: 2.001594.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018. - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
3	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ	Không	X	Sở Văn hoá và	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012;	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	-Mã TT: 2.001584.H42	nhận đủ hồ sơ theo quy định.	hành chính công tỉnh			Thể thao	- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
4	Cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm - Mã TT: 1.003729.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		
5	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài - Mã TT: 2.001564.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
							Thông tin và Truyền thông.			
6	Cấp Giấy phép hoạt động in - Mã TT: 1.004153.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ.	X		
7	Cấp lại Giấy phép hoạt động in - Mã TT: 2.001744.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ.	X		
8	Xác nhận đăng ký hoạt động in - Mã TT: 2.001740.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở Văn hoá và Thể thao	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ.	X		
9	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in - Mã TT: 2.001737.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	Sở VHTT	- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 72/2022/NĐ-CP ngày 04/10/2022 của Chính phủ.	X		
10	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không	15 ngày kể từ ngày nhận đủ	Trung tâm Phục vụ	50.000 đồng/hồ sơ	X	Sở Văn hoá và	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	kinh doanh - Mã TT: 1.003725.H42	hồ sơ theo quy định.	hành chính công tỉnh	(theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016		Thể thao	- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
11	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm - Mã TT: 1.003483.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
12	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm - Mã TT: 1.003114.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
							- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
13	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm - Mã TT: 1.008201.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 09/2025/TT-BVHTTDL ngày 12/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X		
14	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - Mã TT: 1.013.698.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
							- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
15	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - Mã TT: 1.013.699.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
16	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - Mã TT: 1.013.700.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
17	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Luật Xuất bản ngày 20/11/2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ - Thông tư số 09/2025/TT-	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài - Mã TT: 1.013.701.H42						BVHTTDL ngày 12/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.			
XIV	**Lĩnh vực Thông tin đối ngoại**									
1	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương) - Mã TT: 1.003888.H42	10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	X	UBND tỉnh	- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.	X		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền Quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	**Lĩnh vực Văn hóa cơ sở**									
1	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã - Mã TT: 1.003622.H42	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	Không	X	Ủy ban nhân dân cấp xã	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền Quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
		báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung thông báo.	xã							
2	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã - Mã TT: 1.013791.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	X		
II	**Thể dục Thể thao**									
1	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở - Mã TT: 2.000794.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Luật thể dục, thể thao ngày 29/11/2006. - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ VHTTDL.	X		
III	**Lĩnh vực Gia đình**									
1	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề	Trung tâm Phục vụ hành	Không	X	Ủy ban nhân dân cấp	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền Quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	- Mã TT: 1.012084.H42	nghị cấm tiếp xúc	chính công cấp xã			xã	ngày 01/11/2023 của Chính phủ.			
2	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị - Mã TT: 1.012085.H42	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Ủy ban nhân dân cấp xã	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ.	X		
IV	**Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử**									
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng - Mã TT: 1.013.792.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Uỷ ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng - Mã TT: 1.013.793.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Uỷ ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	X	Uỷ ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Thẩm quyền Quyết định	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
								Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
	cộng - Mã TT: 1.013.794.H42		công cấp xã							
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng - Mã TT: 1.013.795.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	X	Uỷ ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	X		